

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 21/01/2025
V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 282/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Đình T**, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: **KDC Hàm Êch T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc T1**; địa chỉ: **A N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Luật sư **Luân Thị N - Công ty L**, thuộc **Đoàn luật sư Thành phố H**; địa chỉ: **Số F đường V, xã V, huyện H, Thành phố Hà Nội**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà **Trịnh Thanh H**; địa chỉ: **Số H đường N, phường C, thành phố H**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1: Luật sư Lê Khắc H2 - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số D Ngõ H L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Vũ Đình T trình bày:

Ngày 16/3/2016, ông và bà Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện đăng ký kết hôn được UBND phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau sinh sống tại KDC Hàm Ếch T, phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng càng về sau lại càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2017 ông T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2018, ông T trở về Việt Nam để thăm gia đình. Vì còn nợ nhiều nên tháng 5/2018 ông T sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Kể từ khi sang Đài Loan, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không đồng nhất được ý kiến về vấn đề tiền bạc. Chính vì cuộc sống vợ chồng xa cách nên không còn tâm đến nhau cũng như không còn nói chuyện với nhau nhiều nữa và cũng không còn giữ liên lạc. Bà H1 đã tự ý bỏ về nhà ngoại hẳn và chuyển công tác nhưng không cho ông T biết, ông T đã vào trong nhà ngoại nơi bà H1 đang ở đó để thăm ông bà ngoại và đón bà H1 cùng các con về nhà ông bà nội để sinh sống nhưng bà H1 không đồng ý. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ngày 12/01/2024, ông T về Việt Nam ăn Tết nguyên đán, thăm gia đình cùng con cái và chuẩn bị hồ sơ để tiến hành ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 12/3/2024, ông Trường Q trở lại Đài Loan tiếp tục làm việc. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T xin ly hôn với bà H1. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Vũ Đình H3, sinh ngày 06/02/2018. Hiện nay cháu N1 đang ở cùng mẹ và cháu H3 đang ở cùng ông T và ông bà nội tại địa chỉ: KDC Hàm Ếch T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn ông T đề nghị giao

cháu **N1** cho mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **H3** cho cha là ông **T** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trước khi ông **T** về Việt Nam thì giao cháu **H3** cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, tự nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của ông **T** về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như ông **T** trình bày trong đơn khởi kiện là đúng sự thật. Bà cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng mà nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau là do bà nghi ngờ ông **T** ngoại tình với người khác. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông **T**.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu **Vũ Nguyễn Phương N1**, sinh ngày 19/10/2016 và cháu **Vũ Đình H3**, sinh ngày 06/02/2018. Hiện nay, cháu **N1** đang ở với bà **H1**, cháu **H3** đang ở cùng ông bà nội tại địa chỉ: **KDC Hàm Éch T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Khi ly hôn bà **H1** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; các Điều 474, 475, 476, 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của ông **Vũ Đình T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Vũ Đình T** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Thu H1**.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Vũ Nguyễn Phương N1**, sinh ngày 19/10/2016 và cháu **Vũ Đình H3**, sinh ngày 06/02/2018 cho bà **Nguyễn Thị Thu H1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **Vũ Nguyễn Phương N1**

và cháu **Vũ Đình H3** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông **Vũ Đình T** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Nguyễn Thị Thu H1** không yêu cầu ông **Vũ Đình T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Vì lợi ích chính đáng của các con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Vũ Đình T** và bà **Nguyễn Thị Thu H1** xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024, ông **Vũ Đình T** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con sau ly hôn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Vũ Đình T**; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận, xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông **Vũ Đình T** nhận thấy:

- Ông **T**, bà **H1** xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung: cháu **Vũ Nguyễn Phương N1**, sinh ngày 19/10/2016; cháu **Vũ Đình H3**, sinh ngày 06/02/2018. Hiện cháu **N1** đang do bà **H1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu **H3** đang ở cùng ông bà nội tại địa chỉ: **KDC Hàm Éch T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**.

Ông **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **H3**, giao cháu **N1** cho bà **H1** nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà **H1** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, thấy rằng: Ông **T** và bà **H1** đều có yêu cầu và mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Đây là quyền và nghĩa vụ chính đáng của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ông **T** đang đi xuất khẩu lao động nước ngoài nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ông **T** phải nhờ cậy vào người thân. Bà **H1** có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt các con, nên án sơ thẩm

giao cả hai con chung cho bà **H1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông **T** cung cấp tài liệu mới chứng minh hiện nay ông đã về Việt Nam, có việc làm ổn định tại **Công ty TNHH MTV T2** (địa chỉ tại **2 Đ, phường B, thành phố H**) với thu nhập 16.000.000 đồng/tháng; đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển tốt. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **T**, sửa án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông **Vũ Đình T** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông **Vũ Đình T**; Sửa án sơ thẩm.

- Về con chung: Giao cháu **Vũ Nguyễn Phương N1**, sinh ngày 19/10/2016 cho bà **Nguyễn Thị Thu H1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu **Vũ Đình H3**, sinh ngày 06/02/2018 cho ông **Vũ Đình T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu **Vũ Nguyễn Phương N1** và cháu **Vũ Đình H3** trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông **Vũ Đình T**, bà **Nguyễn Thị Thu H1** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, ông **Vũ Đình T** không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

Vì lợi ích chính đáng của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông **Vũ Đình T** không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông **T** số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014131 ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do bà **Hoàng Thị Thu H4** nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Tào